

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2023/HS-ST**
Ngày: 10-01-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoài Đức Huệ
2. Bà Trần Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu là thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Đinh Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 264/2022/TLST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 262/2022/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Minh T, sinh năm 1996, tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn ML, xã HT, huyện TH, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn TH và bà Ngô Thị C; bị cáo chưa có vợ con; tiền sự: Không; tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện N từ ngày 04/10/2022 đến ngày 13/10/2022 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, hiện đang tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Công ty TNHH C.

Địa chỉ: Khu công nghiệp N 2- LK, xã HP, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Ngọc T, sinh năm 1974 - Chức vụ: Tổng vụ/Nhân sự.

Ông T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 04 giờ 00 ngày 30/9/2022, Trần Minh T là công nhân đang làm việc tại bộ phận SMS Công ty TNHH C thuộc khu công nghiệp 2 – LK huyện N và có nhiệm vụ là mở cầu dao ở máy nấu thiếc để cho thiếc tan chảy thành dạng lỏng. Lúc này, T nảy sinh ý định là trộm cắp tài sản thiếc trong máy nấu thiếc để mang về sử dụng. Để thực hiện ý định, T dùng 01 ca bằng inox có tay cầm dài 40cm, đường kính ca dài 11cm, chiều cao ca dài 8,5cm múc thiếc ở máy ra để nguội thì thiếc đông lại thành 01 cục rồi T đổ ra ngoài. Tiếp tục T thực hiện thêm 02 lần nữa và được tổng cộng 03 cục thiếc đem cất giấu trong ca nhựa màu vàng. Đến 08 giờ 10 phút, ngày 30/9/2022, T đem ca nhựa màu vàng có giấu 03 cục thiếc trên ra cổng công ty thì bị bảo vệ phát hiện và báo cho anh Bùi Ngọc T tổng vụ đến lập biên bản sự việc, thu giữ tang vật. Ngày 03/10/2022, đại diện công ty đến Đoàn công an khu công nghiệp trình báo sự việc. Đến ngày 04/10/2022, nhận thấy hành vi trộm cắp tài sản của mình là vi phạm pháp luật nên Trần Minh T đến Công an đồn khu công nghiệp đầu thú. Công an đồn khu công nghiệp lập hồ sơ chuyển giao Cảnh sát điều tra công an huyện N xử lý theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 118/KLGD-HĐĐG ngày 10/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận: 03 cục thiếc, trọng lượng 08 kg, giá trị sử dụng còn lại là 100% có trị giá 6.087.200 đồng.

Tang vật vụ án: 03 cục kim loại màu trắng (thiếc) có trọng lượng 08 kg; 01 ca inox có tay cầm dài 40cm đã trả lại cho chủ sở hữu theo biên bản về việc trả lại tài sản ngày 07/12/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, đại diện bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại do tài sản trộm cắp đã thu hồi được nên không đặt vấn đề giải quyết, đề nghị Tòa án xử lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tình tiết và chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 06/CT.VKS-NT ngày 22/12/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Trần Minh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Minh T từ 06 đến 08 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Tài sản trộm cắp đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, đại diện bị hại không yêu cầu gì tại phiên tòa nên không xét.

- Tang vật vụ án: Đã trả lại cho chủ sở hữu nên không xét.

Sau khi nghe xong bản luận tội, bị cáo T không có ý kiến gì và không tranh luận đối với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N.

Lời nói sau cùng của bị cáo tại phiên tòa: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Minh T đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có tại hồ sơ vụ án, cụ thể:

Vào hồi 04 giờ 00 ngày 30/9/2022, tại Công ty TNHH C thuộc khu công nghiệp 2- LK, huyện N, Trần Minh T đã có hành vi lén lút lấy trộm 03 cục thiếc có trị giá 6.087.200 đồng, đến ngày 04/10/2022 T ra đầu thú. Như vậy, hành vi của bị cáo T đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương nên phải xử lý nghiêm để đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn; sau khi phạm tội nhận thức hành vi của mình là sai trái nên đã ra đầu thú nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, i, h khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục.

[6] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản trộm cắp đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, đại diện bị hại không yêu cầu gì tại phiên tòa nên không xét.

- Tang vật vụ án: Đã trả lại cho chủ sở hữu nên không xét.

[8] Về án phí: Bị cáo T phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Minh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Minh T 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Minh T cho Ủy ban nhân dân xã Hòa Thịnh, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên quản lý, giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Trần Minh T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở đi, thì Tòa án có thể quyết định buộc Trần Minh T phải chấp hành hình phạt tù. Trường hợp phạm tội mới thì Tòa án buộc Trần Minh T phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Trường hợp Trần Minh T thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát, quản lý và giáo dục được thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

3. Về án phí: Bị cáo Trần Minh T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THA dân sự H. N;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Trang